

Mức sống dân cư Bắc Ninh sau 12 năm tái lập tỉnh

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Lê Văn Phát *

Mức sống dân cư là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá sự phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia, một tỉnh hoặc một địa phương. Thu nhập bình quân đầu người tăng lên là cơ sở để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần và làm tiền đề để góp phần nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI). Kể từ khi tỉnh Bắc Ninh được tái lập, mức sống của các tầng lớp dân cư trong tỉnh có sự tăng trưởng vượt bậc. Năm 1997, khi mới tái lập, mức sống dân cư trong tỉnh thấp hơn nhiều mức bình quân của cả nước và bình quân của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng; song đến nay đã đạt và vượt. Bắc Ninh đang trở thành một trong những điểm sáng của cả nước trong việc phát triển kinh tế xã hội, nâng cao mức sống nhân dân và từng bước thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đưa Bắc Ninh trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2015.

1. Tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh sau 12 năm tái lập

Sau 12 năm tái lập (1997-2008) tình hình kinh tế của tỉnh có bước phát triển vượt bậc và đạt được thành tựu hết sức to lớn. Tốc độ phát triển kinh tế bình quân giai đoạn 1997-2008 đạt 13,8%, trong đó khu vực nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,2%, khu vực công nghiệp xây dựng tăng 21,3%, khu vực dịch vụ tăng 14,7% và là tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao nhất khu vực Đồng bằng sông Hồng. Kinh tế tăng trưởng cao, làm cho mức đóng góp vào tỷ trọng GDP của cả nước tăng lên rõ rệt. Năm 1996, tỷ trọng GDP của tỉnh chỉ chiếm 0,74% tổng GDP của cả nước, thì đến năm 2008 tỷ trọng đó là 1,5%. Sau 12 năm tỷ trọng GDP của tỉnh chiếm trong

tổng GDP của cả nước tăng thêm là 0,76%. Mức thu nhập GDP bình quân đầu người một năm từ chỗ chỉ bằng 55% của cả nước năm 1996, đến năm 2008 đã đạt 114,7% mức bình quân của cả nước. Đó là một trong những thành tựu lớn nhất trong phát triển kinh tế của tỉnh sau 12 năm tái lập tỉnh. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng tích cực, đúng hướng phát triển kinh tế xã hội mà Đại hội Đảng bộ của tỉnh đề ra. Năm 1997, tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 46,3%, công nghiệp xây dựng chiếm 23%, dịch vụ chiếm 30,7%, thì đến năm 2008 tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp chỉ còn 15,3%, công nghiệp xây dựng là 56,38%, dịch vụ là 28,32%.

Nền kinh tế của tỉnh có bước phát triển nhanh, toàn diện, nên hệ thống cơ sở hạ tầng của tỉnh không ngừng được củng cố và tăng cường, đạt được kết quả cao và được xếp vào một trong các tỉnh có hạ tầng phát triển nhất cả nước, chỉ sau các thành phố lớn. Đến nay, toàn tỉnh có 100% số xã, thôn có trạm điện. Tỷ lệ số hộ dùng điện đạt 100%. Hệ thống đường tỉnh lộ, huyện lộ được mở rộng và trải nhựa 100%, đường giao thông nông thôn được nhựa hoá, bê tông hoá trên 50% và gần 100% đường làng ngõ xóm được lát gạch và đổ bê tông. Mạng lưới thông tin phát triển mạnh. Toàn tỉnh có 126 xã, phường có điểm bưu điện văn hoá xã và hệ thống loa truyền thanh. Cơ sở vật chất của ngành y tế, giáo dục ngày càng được cải thiện, góp phần thực hiện tốt công tác giáo dục, chăm sóc sức khoẻ của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Với sự phát triển trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội góp phần làm gia tăng chỉ số

* Phó Cục trưởng - Cục Thống kê Bắc Ninh

phát triển con người (HDI) ngang bằng với các tỉnh, thành phố lớn trong cả nước và đạt ở mức 13/63 tỉnh, thành phố của cả nước vào năm 2003.

2. Thực trạng mức sống của dân cư tỉnh Bắc Ninh sau 12 năm tái lập

2.1. Thu nhập bình quân đầu người chung toàn tỉnh

Sau hơn 12 năm tái lập tỉnh, nền kinh tế của tỉnh liên tục tăng trưởng với tốc độ cao, nên thu nhập của hầu hết các hộ gia đình trong tỉnh được nâng lên và cải thiện rõ rệt. Điều này được thể hiện rõ thông qua kết quả cuộc khảo sát kinh tế hộ gia đình từ năm 1996 đến nay.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2008 đạt 1185,0 nghìn đồng người 1 tháng tăng gấp 5,51 lần so năm 1996. Tốc độ tăng trưởng bình quân của thu nhập bình quân 1 người 1 tháng tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997-2008 là 15,3%, nếu loại trừ yếu tố trượt giá tốc độ tăng thu nhập bình quân giai đoạn 1997-2008 là khoảng 8%, và thu nhập bình quân đầu người của Bắc Ninh đứng thứ 3 vùng đồng bằng sông Hồng, chỉ sau 2 Thành phố lớn (Hà Nội và Hải Phòng).

Trong nhiều năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Bắc Ninh đều cao hơn mức tăng trưởng

của cả nước và khu vực Đồng bằng sông Hồng, nên mức thu nhập của người dân tăng nhanh. Năm 1996, mức thu nhập chỉ bằng 94,8% của cả nước và chỉ bằng 96,3% của vùng Đồng bằng sông Hồng thì đến năm 2004 mức thu nhập của Bắc Ninh đã bằng và vượt mức thu nhập của cả nước và vùng Đồng bằng sông Hồng. Năm 2008 thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Bắc Ninh đã đạt 113,9% của cả nước và đạt 106,0% của vùng Đồng bằng sông Hồng. Mức chênh lệch thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Bắc Ninh so với thu nhập bình quân của cả nước và khu vực Đồng bằng sông Hồng ngày một tăng lên trong những năm tới khi tỉnh Bắc Ninh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2015.

Cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu thu nhập của dân cư cũng có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng thu từ nông, lâm và thủy sản giảm mạnh, thu từ tiền công, tiền lương và thu từ sản xuất công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và thu khác ngày một tăng lên. Do tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn đạt ở mức cao, cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng tích cực, đã làm cho cơ cấu nguồn thu nhập theo ngành kinh tế thay đổi theo. Nếu như năm 1996 tỷ trọng thu từ công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chỉ chiếm 27,19%, thì đến năm

THU NHẬP BÌNH QUÂN 1 NGƯỜI 1 THÁNG

	1996	1999	2002	2004	2006	2008
Tỉnh Bắc Ninh (nghìn đồng)	215,0	260,5	326,5	491,1	669,5	1185,0
Cả nước (nghìn đồng)	226,7	295,0	356,1	484,4	636,5	1041,0
Vùng đồng bằng sông Hồng (nghìn đồng)	223,3	280,3	353,1	488,2	653,3	1109,0
Tỷ lệ thu nhập của Bắc Ninh so BQ Đồng bằng sông Hồng (%)	96,3	92,9	92,5	100,6	102,5	106,9
Tỷ lệ thu nhập của Bắc Ninh so BQ cả nước (%)	94,8	88,3	91,7	101,4	105,2	113,9

Nguồn: - Kết quả khảo Khảo sát mức sống hộ gia đình các năm
- Niên giám Thống kê các năm

2008 là 37,33%, Trong khi đó thu từ nông, lâm và thủy sản giảm từ 49,04% năm 1996 xuống còn 18,68% năm 2008. Điều này có nghĩa là cơ cấu nguồn thu nhập có xu hướng chuyển dịch tương ứng với cơ cấu GDP và lao động của tỉnh. Đây là sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tích cực cần được duy trì và thúc đẩy nhanh hơn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh. Số lượng và quy mô của các cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp ngày càng tăng và mở rộng. Ngược lại, số lượng cơ sở kinh tế cá thể sản xuất nông, lâm và thủy sản tăng rất chậm. Vì vậy, số lao động làm thuê, làm công tăng lên nhanh chóng. Điều này lý giải tại sao tỷ lệ thu nhập từ tiền công, tiền lương tăng rất nhanh trong thời gian vừa qua.

2.2. Thu nhập bình quân đầu người theo khu vực

Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng tăng khá nhanh ở cả 2 khu vực thành thị và nông thôn. Năm 2008, mức thu nhập bình quân của khu vực thành thị là 1166,4 nghìn đồng 1 người 1 tháng, mức tăng bình quân thu nhập đầu người giai đoạn 2003-2008 là 24%, trong khi đó mức tăng trưởng bình quân của khu vực nông thôn chỉ đạt 18,1%. Do mức tăng trưởng thu nhập bình quân ở các khu vực có sự chênh lệch khá lớn giữa thành thị và nông thôn, nên sự cách biệt về thu nhập giữa khu vực thành thị và nông thôn tiếp tục nới rộng thêm. Mức chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn năm 2002 chỉ là 1,42 lần, thì đến năm 2008 mức chênh lệch thu nhập lên tới 1,91 lần. Trong cơ cấu nguồn thu, thu nhập của khu vực nông thôn chủ yếu là thu từ nông, lâm, thủy sản, thu nhập từ hoạt động công nghiệp, xây dựng và dịch vụ chiếm tỷ lệ thấp hơn, trong khi đó nhập của khu vực thành thị chủ yếu từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, thu từ hoạt động sản xuất nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ lệ không đáng kể. Tuy nhiên, sự phân hoá giàu nghèo của khu vực nông thôn diễn ra chậm chạp hơn khu vực thành thị. Năm 2008, chênh lệch

thu nhập giữa nhóm thu nhập cao và nhóm thu nhập thấp của khu vực nông thôn là 6,5 lần, còn khu vực thành thị là 7,9 lần.

2.3. Thu nhập bình quân đầu người theo 5 nhóm thu nhập và sự phân hoá giàu nghèo

Sau hơn 10 năm thực hiện Chương trình Mục tiêu thiên niên kỷ của Chính phủ và thực hiện mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, tỉnh Bắc Ninh đã thu được thành tựu hết sức quan trọng. Tính đến hết năm 2008, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh chỉ còn 7,58% (theo chuẩn nghèo tại QĐ số 1751/LĐ-TBXH) và là tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước.

Trong những năm qua, Chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói, giảm nghèo đã được đặt trong tổng thể quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Kinh tế liên tục tăng trưởng cao, cơ sở hạ tầng thiết yếu được hỗ trợ đầu tư đúng mức đã góp phần cải thiện trên nhiều lĩnh vực ở các địa phương trong tỉnh, nhất là các xã khó khăn, các xã vùng sâu, xa của tỉnh. Công tác xoá đói giảm nghèo đã được xã hội hoá, các phong trào “ngày vì người nghèo”; “chung tay giúp sức hộ nghèo” đã thu hút sự giúp đỡ của nhiều cá nhân, tập thể, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội... hình thành quỹ vì người nghèo để chăm lo điều kiện nhà ở, đời sống cho các hộ nghèo. Thêm vào nữa các hộ nghèo tích cực tham gia sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nỗ lực vươn lên thoát nghèo.

Do sản xuất phát triển, nên mức thu nhập bình quân đầu người đều tăng lên, song sự gia tăng thu nhập giữa các nhóm thu nhập không đồng đều và có xu hướng ngày càng doãng ra. Mức thu nhập của nhóm thu nhập cao (nhóm 5) ngày một tăng và tăng nhanh hơn nhóm có thu nhập thấp, nên khoảng cách chênh lệch giàu nghèo ngày một rộng ra. Đây là một trong những thách thức trong việc thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng trong xã hội. Nếu như năm 2002 khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa nhóm 5 so với nhóm 1 chỉ là 4,5 lần, năm 2004 là 6 lần, năm 2006 là 6,7 lần và đến năm 2008 khoảng cách chênh lệch này

đã tăng lên 6,9 lần. Điều này thể hiện sự phân hoá giàu nghèo ngày một tăng ở tất cả các nhóm dân cư trong tỉnh và ở cả 2 khu vực thành thị, nông thôn. Tuy nhiên, nếu chia 10 nhóm thu nhập thì tỷ lệ này còn cao hơn rất nhiều. Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo của 10 nhóm thu nhập qua các kỳ điều tra là: Năm 2002 là 7,1 lần, năm 2004 là 9,9 lần, năm 2006 là 10,1 lần, năm 2008 là 11,6 lần. Sự chênh lệch giàu nghèo của 10 nhóm thu nhập rất lớn, song so với các tỉnh Đồng bằng sông Hồng và cả nước thì mức chênh lệch của Bắc Ninh còn thấp hơn nhiều.

Chênh lệch thu nhập và phân hoá giàu nghèo trong dân cư còn được thể hiện qua hệ số GINI. Hệ số GINI của tỉnh tương ứng là: Năm 2002 là 0,293, Năm 2004 là 0,332, Năm 2006 là 0,352, Năm 2008 là 0,364. Từ đó có thể khẳng định rằng phân hoá giàu nghèo, hay sự chênh lệch thu nhập giữa các nhóm dân cư ở Bắc Ninh đã xuất hiện và ngày một rõ nét hơn. Tuy nhiên, sự gia tăng của hiện tượng này còn chậm.

Để đánh giá mức độ gay gắt của hiện tượng phân hoá giàu nghèo, ngân hàng thế giới đưa ra tiêu chí 40%. Tiêu chí 40% tức là tỷ trọng thu nhập của 40% dân số có thu nhập thấp trong tổng số thu nhập của toàn bộ dân cư. Tỷ trọng này nhỏ hơn 12% là bất bình đẳng cao về thu nhập, nằm trong khoảng từ 12-17% là có sự bất bình đẳng vừa, và trên 17% là có sự bất bình đẳng tương đối. Năm 2008, 40% dân số chiếm xấp xỉ 16% và nằm trong nhóm bất bình đẳng vừa. Ngoài ra, một số tác giả còn sử dụng đường cong LORENZ để nghiên cứu, mô tả sự phân hoá giàu nghèo của các địa phương.

3. Một số hạn chế

Như trên đã phân tích, kể từ khi tỉnh Bắc Ninh được tái lập, nền kinh tế của tỉnh có bước phát triển vượt bậc và đạt được thành tựu to lớn trên tất cả các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội và đời sống của các tầng lớp dân cư trong tỉnh được cải thiện rõ nét. Mức thu nhập của các tầng lớp dân cư ngày một tăng và có xu hướng tăng nhanh hơn mức tăng

bình quân của cả nước và các tỉnh Đồng bằng sông Hồng. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển còn bộc lộ nhiều tồn tại trong đó đáng lưu ý ở một số vấn đề sau:

Mặc dù thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Bắc Ninh năm 2008 đạt và vượt quá cao so mức bình quân của cả nước (113,9%), song sự phân bố thu nhập không đồng đều và mức thu nhập chỉ tập trung ở khu vực thành thị, thị trấn, thị tứ khu vực có làng nghề và ở các nơi đang trong quá trình đô thị hoá và ở các nơi thu hồi đất làm khu, cụm công nghiệp. Các khu vực nông thôn thuần tuý, khu vực vùng sâu, vùng xa mức thu nhập còn quá thấp. Do vậy, dẫn đến hiện tượng di dân tự do ở các huyện Gia Bình, Lương Tài đến làm ăn ở các tỉnh phía nam. Số người trong độ tuổi lao động đi làm ăn xa, số người ở nhà chỉ là phụ nữ, người hết tuổi lao động và trẻ em đang trong độ tuổi đi học, do vậy dẫn đến tình trạng thiếu hụt lao động tương đối, tiềm năng của địa phương chưa được khai thác.

Nguồn vốn cho sự tăng trưởng chủ yếu từ khu vực liên doanh với nước ngoài, và khu vực đầu tư của các doanh nghiệp trong nước ở các khu công nghiệp, còn sự huy động nguồn vốn tự có từ nội bộ nền kinh tế còn yếu và thiếu. Do vậy hiệu quả của sự tăng trưởng chưa cao, mức độ hưởng thụ thành quả của tăng trưởng còn thấp. Người lao động trong các doanh nghiệp chỉ nhận được phần tiền công với mức thu nhập thấp, còn phần lợi nhuận nhà đầu tư thu hết.

Tốc độ tăng trưởng bình quân của thu nhập bình quân 1 người 1 tháng tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 1997-2008 là 15,3%, nếu loại trừ yếu tố trượt giá tốc độ tăng thu nhập bình quân giai đoạn 1997-2008 là khoảng 8%. Trong khi đó tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 1997-2008 là 13,8%, và thấp hơn khá nhiều so với tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của giai đoạn này. Qua sự so sánh số liệu về tăng trưởng của thu nhập bình quân đầu người và tăng trưởng GDP cho thấy chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh chưa được bền vững, mức độ tăng

trường chỉ tập trung về mặt số lượng, còn chất lượng tăng trưởng chưa được quan tâm chú ý và người dân được hưởng lợi từ tăng trưởng chưa cao.

Khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các khu vực và các nhóm thu nhập có biên độ doãng ra ngày càng lớn, sự bất bình đẳng trong xã hội ngày càng cao và đã bắt đầu xuất hiện các vấn đề xã hội nảy sinh xung quanh chênh lệch giàu nghèo của các tầng lớp dân cư trong xã hội.

Mặc dù tỷ lệ giảm nghèo tương đối nhanh và tỷ lệ nghèo thấp trong cả nước, song mức độ giảm nghèo chưa vững chắc. Phần lớn các hộ nghèo lại là các hộ chính sách, hộ neo đơn, hộ không nơi nương tựa và tập trung chủ yếu ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa của tỉnh. Việc thực hiện chương trình an sinh xã hội chưa mang lại kết quả tương xứng, còn tình trạng nhiều hộ chính sách, hộ có công với cách mạng còn ở nhà dột nát. Chương trình mái ấm cho người nghèo được triển khai từ nhiều năm song chưa thực sự xoá được hết các nhà cấp bốn dột nát cho người nghèo.

4. Một số giải pháp để nâng cao mức sống dân cư của tỉnh phát triển bền vững

Tập trung phát triển kinh tế xã hội, nhằm hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế mà Đại hội Đảng đã đề ra. Trong đó trọng tâm hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu đến năm 2015 tỉnh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp. Đi đôi với việc tạo nhiều việc làm mới cho người lao động, thì một trong những mục tiêu chính là nâng cao trình độ và tay nghề cho người lao động, nhằm tạo ra được đội ngũ người lao động đáp ứng yêu cầu của tỉnh đề ra. Nâng cao thu nhập cho người lao động.

Đi đôi với sự phát triển kinh tế, tập trung khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là môi trường ở các làng nghề, các cụm công nghiệp, đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Trong giai đoạn tới chỉ cấp phép cho các đơn vị có công nghệ sản xuất hiện đại, áp dụng thành tựu khoa học công nghệ mới và không gây ô nhiễm môi trường.

Nhanh chóng hoàn thành quy hoạch vùng, ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ, có chính sách phát triển nền nông nghiệp toàn diện và bền vững. Nâng cao hiệu quả của sản xuất nông nghiệp.

Tiếp tục phát triển nhanh ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, trên cơ sở đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp tập trung, khu công nghiệp làng nghề, cụm công nghiệp. Có cơ chế khuyến khích thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, hiện đại tạo ra nhiều giá trị gia tăng, vừa sử dụng nhiều lao động nhằm đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, tạo ra nhiều việc làm mới có thu nhập cao cho người lao động. Ưu tiên thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

Tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng và trợ giúp các xã khó khăn của tỉnh.

Thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ hỗ trợ người nghèo, thực hiện chính sách công bằng xã hội. Tiếp tục thực hiện các chính sách, chế độ ưu đãi với người nghèo như: mở các lớp tập huấn về kỹ năng sản xuất, dạy nghề, chuyển giao công nghệ, vay vốn, miễn giảm học phí, mua bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh cho người nghèo. Đây là những điều kiện thuận lợi cho người dân phát triển kinh tế hộ gia đình, thực hiện công bằng và bình đẳng giữa các tầng lớp dân cư. Đồng thời duy trì kết quả giảm nghèo bền vững sẽ góp phần ngăn chặn suy giảm kinh tế bảo đảm an sinh xã hội.

Củng cố, kiện toàn nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của các tổ chức đoàn thể xã hội.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và các cấp chính quyền trong việc phát triển kinh tế xã hội, xoá đói giảm nghèo tạo mọi điều kiện để kinh tế hộ phát triển. ■

Tài liệu tham khảo:

- *Kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình các năm*
- *Niên giám Thống kê các năm*